



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: 50102

LOI#: _____

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM BUI VAN GIANG
Last Middle First

Current Address: Quan Tan Binh, Ho Chi Minh, Vietnam

Date of Birth: 9-12, 1942 Place of Birth: Vietnam

Previous Occupation (before 1975) Lieutenant Colonel
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From June 15, 75 To May 8, 1980
Years: 5 Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: Pham Thi Ngoc Tuyet (sister in law)
Name
San Francisco, CA 94121 Tel. (415) 387-7589
Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: March 17, 1990

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : BUI VAN GIANG
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
Pham Thi Nguyet Minh	4-24-43	wife
Bui Dinh Nam	8-28-73	son

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: 50102

LOI#: _____

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM BUI VAN GIANG
Last Middle First

Current Address: _____ Quan Tan Binh, Ho Chi Minh, Vietnam

Date of Birth: 9-12, 1942 Place of Birth: Vietnam

Previous Occupation (before 1975) _____ Lieutenant Colonel
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From June 15, 75 To May 8, 1980
Years: 5 Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: Pham Thi Ngoc Tuyet (sister in law)
Name
San Francisco, CA 94121 Tel. (415) 387-7589
Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: March 17, 1990

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : BUI VAN GIANG
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
Pham Thi Nguyet Minh	4-24-43	wife
Bui Dinh Nam	8-28-73	son

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

INTAKE FORM
Mẫu Dón Về Lý Lịch

NAME (TÊN TÙ NHÂN) : BUI VAN GIANG
Last (Tên Họ) Middle (Giữa) First (Tên gọi)
DATE, PLACE OF BIRTH : September 12th 1942 - VIETNAM
(NĂM, NƠI SINH ĐÈ) Month (Thang) Day (Ngày) Year (Năm)
SEX (NAM hay NỮ) : Male (Nam) : Male Female (Nữ):
MARITAL STATUS : Single (Độc thân): Married (có lập gia đình): ☒
(Tình trạng gia đình):
ADDRESS IN VIETNAM : TAN BINH DISTRICT
(Địa chỉ tại VN) : HO CHI MINH CITY - SOUTH VIETNAM
POLITICAL PRISONER (Có là Tù binh tại VN hay không): Yes (Có) No (Không):
: If yes (Nếu Có): From (Từ): June 15, 1975 To (Đến): May 8, 1980
PLACE OF RE-EDUCATION: NAMHACAMP
CAMP (TRẠI TÙ)
PROFESSION (Nghề Nghiệp): Welder
EDUCATION IN U.S. : NONE
(DU HỌC TẠI MỸ)
VN ARMY (Quân đội VN): Rank (Cấp Bậc): LIEUTENANT COLONEL ARVN
VN GOVERNMENT : Position (Chức Vụ): Battalion commander Date (Năm): 1975
(Trong chính phủ VN)
APPLICATION FOR O.D.P.: Yes (Có): IV Number (số hồ sơ): IV 50102 No (Không):
NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING: (Số người đi theo): 2
(Tên thân nhân tháp tùng) Xin ghi bên sau với đầy đủ chi tiết.
MAILING ADDRESS IN VN: TAN BINH DISTRICT
(Địa chỉ liên lạc tại VN) HO CHI MINH CITY - SOUTH VIETNAM
NAME ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE : NGOC TUYET T. PHAM
Tên, Địa chỉ Thân nhân :
hay Người Bảo Trò) # 1 - SF - CA 94121
U.S. CITIZEN : (Có quốc tịch Hoa Kỳ): No (Không):
RELATIONSHIP WITH PRISONER: (Liên hệ với người ở VN): SISTER IN LAW
NAME AND SIGNATURE : NGO C
ADDRESS OF INFORMANT
Tên, Địa chỉ, Chữ Ký, Điện thoại
của người điền đơn này)
DATE : 9 25 81
Month (thang) Day (ngày) Year (năm)

<u>Name</u>	<u>Relationship</u>	<u>Date of birth</u> (mo/day/yr)	<u>Place of birth</u> (City/County)
NGUYET T. MINH PHAM	WIFE	4/24/43	Hà Nội
NAM DINH BUI	SON	8/28/73	Saigon

BỘ NỘI VỤ
THAI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 220/GMT

HAY THAI

Theo thông tư số 960-BCA/TI ngày 31-5-1963 của Bộ Nội vụ
thi hành an văn, quyết định ta số 26 ngày 21 tháng 4 năm 1980
của *Cơ Hội 4*:

Nay cấp giấy tha cho anh, chức tên sau đây
Họ tên khai sinh: Bùi Văn Giảng
Họ tên thường gọi:
Họ tên bí danh:
Sinh ngày 12/5/1942
Nơi sinh: Thái Bình

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt:
Xã Mỹ Chỉ Minh

Cán tội: Trưng tá tiểu đoàn trước ngày
bị bắt ngày 15-6-1975. Án phạt: TXX

Theo quyết định, an văn số ngày 1-8-1978 của Bộ nội vụ
cả bị tăng án: an, cộng tính năm tháng
Đã được giảm án: an, cộng tính năm tháng

Nay về cư trú tại: P. H. C. M.

Nhận xét quá trình cải tạo:

Xác định được tội lỗi của bản thân tư tưởng chưa có gì biến hiện
xấu, lao động đảm bảo ngày công ở trại qui định, học tập chấp hành
đầy đủ, nội qui khu và nếp sống văn hóa mới chưa có gì sai phạm
đáng kể ./.

Lần này ngỏ trở phải - (họ tên chữ ký)
của Bùi Văn Giảng người được cấp giấy
danh bản số 2002
Lập tại quân pháp

Ngày 8 tháng 5 năm 1980
THAI BÌNH



TRƯNG TÁ: TRẦN VĂN XUYẾN

Chiam
Bùi Văn Giảng



Số: 3391

CHUNG NHẬN GIỐNG Y DÂN CHANH

Xuất xứ: 11/75

UBND Phường 11, Quận 11, tháng 4 năm 84

ỦY VIÊN THỦ KÝ



Nguyễn Thị Trường Hằng

MAY 21ST

1989

④

To The Director of the orderly Departure Program office.
131, SOI TIEN SIANG, South Sakorn Road BANGKOK -
12 THAILAND

SUBJECT: Request for a letter of introduction (LOI) for
immigration to the USA under the orderly Departure Program -

Dear Sir,

Due to the difficulty of my situation and based on
the authority of your organisation and the spirit of
humanitarian act.

I wish to request you to give me a letter of introduction
I had an IV Number 50102 in December 1985. Until
right now I don't have a LOI (Letter of introduction),
Please send a LOI To my address Bui văn giảng,
quận Tân Bình Thành Phố Hồ Chí

Minh.

your assistance and intervention with the government of the
Socialist Republic of V.N. in order that I and my family
may be authorized to leave Viet Nam under your arrangement
and protection and under the orderly Departure Program and
to fly directly To The USA for the purpose of seeking
a new life.

your approval on the above to help me through humani-
tarian act will be highly appreciated.

Respectfully yours

ex Lieutenant Colonel ARVN

Bui văn giảng

Mau

Military number:

Day of birth : 12-09-1942

IV number : 50102

ADDRESS:

Tuyen Street, Tân Bình District Hồ
Chí Minh City.

10- The American advisor and unit that I worked close with ⁽³⁾
 ADVISOR Team '70 (From 1964 to 1973) -

1964 - Captain Harold K. Johnson junior senior advisor 2150 Battalion
 1965 - Captain Stanton senior advisor 318 Battalion 5th ArVN Division
 1966 - Captain Odoanis senior advisor 318 Battalion 5th ArVN Division
 1967 - Captain Peterson senior advisor 318 Battalion 5th ArVN Division
 1967 - Captain Caram senior advisor 318 Battalion 5th ArVN Division
 1968 - Major Bricker senior advisor 318 Battalion 5th ArVN Division
 1968 - Captain Cobb senior advisor 318 Battalion 5th ArVN Division
 1969 - Captain Underwood senior advisor 217 Battalion 5th ArVN Division
 1969 - Major Doluen senior advisor 217 Battalion 5th ArVN Division
 1970 - Captain St. Bitch senior advisor 217 Battalion 5th ArVN Division
 1970 - Captain Marionovich senior advisor 217 Battalion 5th ArVN Division
 1971 - Major Doyle senior advisor 217 Battalion 5th ArVN Division
 1971 - Major Scarpa senior advisor 7th Regiment 5th ArVN Division
 1972 - Lieutenant Colonel Kennedy senior advisor 7th Regiment
 1972 - Major Malenitsky senior advisor Assistant Team 7th Regiment.

II The American unit that I worked close with.

1966 - 1st Infantry Division (Big Red One) in Lai Khe - General DePue
 1966 - 1st Brigade 1st Infantry Co. Colonel BERRY in ATTLE BORO.
 1966 - 196 Light Brigade Co. General Beauchamp in DUTCHY
 in ATTLE BORO operation
 1967 - 2nd Brigade 1st Infantry Co. Colonel MARK in CeBAR Fall operation
 1967 - 1st Brigade 1st Infantry Co. Colonel Berry in Saratoga operation
 1968 - 12th ACR (Cavalry) Co. Colonel Patton in Iron Triangle
 1969 - 1/16th Mechanized Battalion 1st Infantry in Lai Khe and
 Thunder road operation Co. Captain Hoffman
 1970 - 2nd Brigade 1st Infantry Co. Colonel Pat Puttolo in war zone D
 1970 - 1/26 Battalion 1st Infantry Co. Lieutenant Colonel Finley in war
 1/18 Battalion 1st Infantry Co. Lieutenant Colonel Stone in war zone D
 1972 - 1st ACD (Cavalry) in Phuoc Long Province (border and
 (Wampach operation) General Putman

III The American Training Team that trained my unit.

MTI (Mobile Training Team) 2nd Brigade 1st Infantry Division

in Anti-Diving Province Co. Captain SHAW

(3)

2) Special Forces Training Team in Phu Quoc District (1st Ar)

Division) Colonel Hayes

II - The American Certificate that I received

1) 1970 - General Malloy - Commanding General 1st Infantry
gives me one certificate

2) 1975 - General Mac Garr - Senior Advisor of III Corp gives
me a certificate that I have done a good SOB and
cooperation in 1965 to 1972 with the American unit.

I - ADDRESS of my relative in America - Canada - Norway

1) Ngọc Nguyệt Thi Pham : 266 19th Ave APT N°1 San Francisco
(sister on law) CA 94121 USA

2) Trần Đức Hiền : 19 Willow Brook Irvine CA 92714
(my uncle) USA

3) Huỳnh Chusung Pham : 104-1611 East - 3rd Ave VAN 1 H4
(young sister (sister) in Portland - Vancouver BC Canada

4) Xuân Hương "Hüttel" : VÅGSMYRGT H1 4030 Henna NORWAY
(my aunt)

II - The papers that I send with this letter.

1) My picture in uniform of ARVN in 1972

2) 1 receipt for exit permit to go to the America

3) 1 release paper

4) 1 AFFIDAVIT of relationship

5) 1 paper that I must go to the hospital from 81-83 (the time in the
reeducation I was very sick and I had a broken leg).

I wish you will help me and my family to give us

a letter of introduction that I can accomplish my document ^{in VN} for
going to the America

Saigon 21st May 1984

A Finny Summer

Uuuu

Đôi vâng giáng

Thành phố HỒ CHÍ MINH

SỞ Y-TẾ

ĐIỀU

Số vào viện: 307

Ngày: 30/3/81

Khoa: C.T.C.H

GIẤY RA BỆNH VIỆN

Tên:

Đinh Văn Chiếm

Tuổi:

39

Địa chỉ hay cơ quan:

Tân Bình

Số Hồ sơ:

534/81

Khoa:

C.T.C.H

Năm ngày:

30

3

1981

Ra ngày:

3

4

1981

CĂN BỆNH:

ĐẠI

Kiểm xét

CÁCH CHỮA:

hệ hô

Y, BÁC SĨ ĐIỀU TRỊ:

Đinh Văn Chiếm

LỜI DẶN:

Chăm sóc tại

Ngày

tháng

năm 19

Phòng Y vụ

Ngày

tháng

năm 19

Bác sĩ Trưởng khoa

Họ tên

Họ tên

NGÀY HẸN KIỂM LẠI

Lần	Thứ	Ngày	Bác sĩ	Kiểm -- lại
1	Thứ	5/2/5/81	B.S. Đức	
2	Thứ	12/5/81	B.S. Đức	
3	Thứ	23/7/81	B.S. Đức	
4	Thứ	23/8/81	B.S. Lê Khắc	
5	Thứ	24/9/81	B.S. Đức	
6	Thứ	1/10/81	B.S. Đức	
7	Thứ	22/12/81	B.S. Đức	
8	Thứ	9/2/82	B.S. Đức	
9	Thứ	19/2/82	B.S. Đức	
10	Thứ	19/2/82	B.S. Đức	
11	Thứ	19/2/82	B.S. Đức	
12	Thứ	19/2/82	B.S. Đức	
13	Thứ	19/2/82	B.S. Đức	
14	Thứ			
15	Thứ			

Thẻ này bệnh nhân cần giữ cẩn thận. Nếu có ai nhặt được, xin gửi trả về địa chỉ của bệnh nhân hoặc về Bệnh Viện.

CA. QTE.
Số 90/B.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập Tự do Hạnh phúc



I E N - N H A N

Họ và tên :

Bùi Văn Chấn

Địa chỉ :

Cơ nộp hồ sơ XC đi :

S. Mỹ

Hồ sơ gồm có :

Bản Sơ

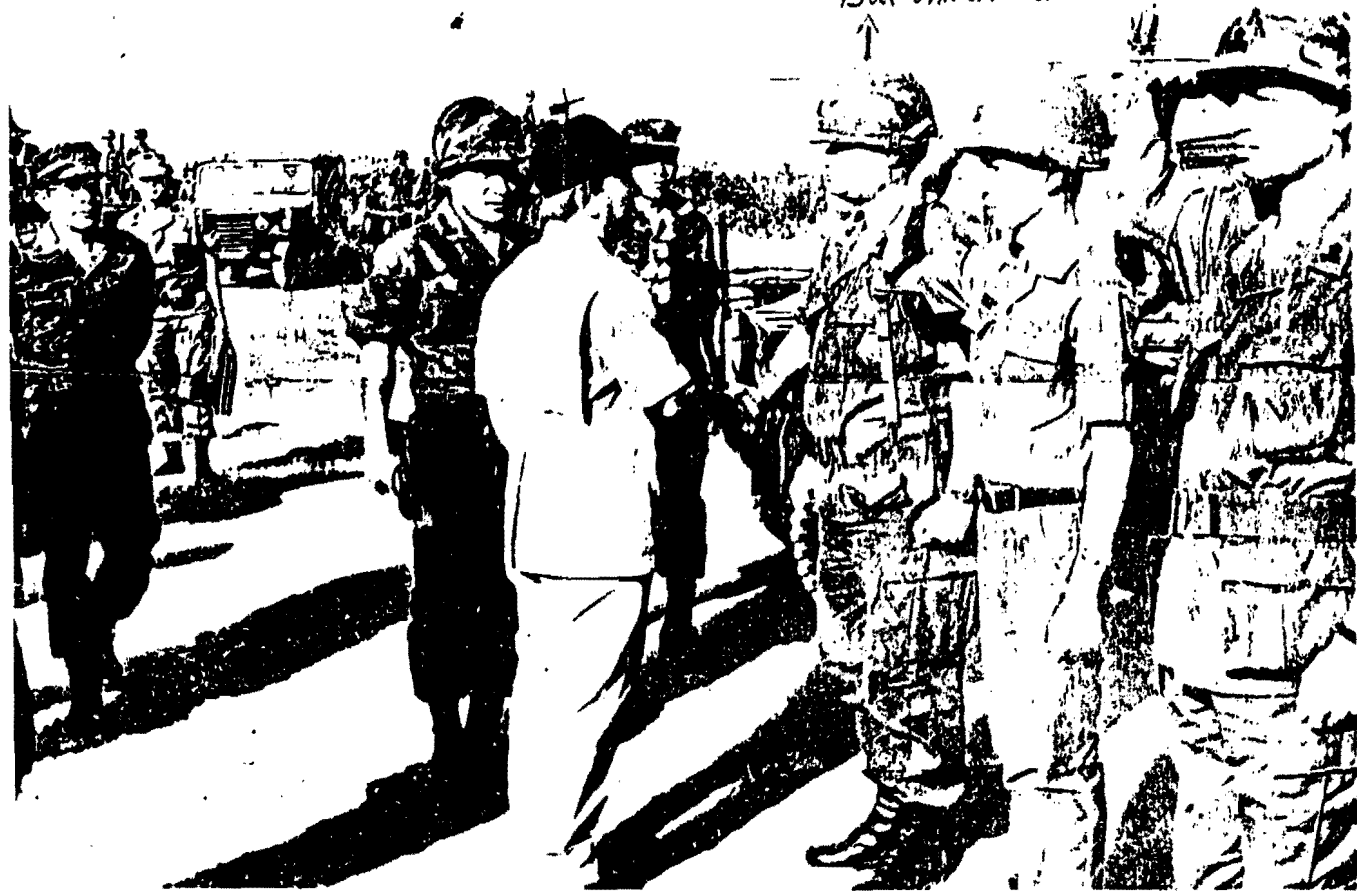
Hẹn Ông, Bà chờ thông báo kết quả.

Tân Bình, ngày 15 tháng 9 năm 1988.

PHÓ CÔNG AN QUẬN TÂN BÌNH

[Handwritten signature]

BUI VĂN GIANG



ORDERLY DEPARTURE PROGRAM
AFFIDAVIT OF RELATIONSHIP
to be completed by relative/friend in USA

I

YOUR NAME NGOC TUYET THI PHAM YOUR ALIEN STATUS IS: _____
 DATE OF BIRTH 6/12/1938 U.S. CITIZEN ☐ Number: _____
 PLACE OF BIRTH HANOI, VIETNAM PERMANENT RESIDENT ☐ A# _____
 ADDRESS IN USA _____ REFUGEE ☒ A# -25-404-504
APT 101 SAN FRANCISCO DATE OF ENTRY INTO USA 10/20/1983
CA 94121 FROM WHICH COUNTRY? INDONESIA
 TELEPHONE NO. (HOME) (415)-387-7589 VOLUNTARY AGENCY WITH WHICH YOU ARE NOW
 (WORK) _____ IN CONTACT U.S.C.C.

II

INFORMATION ON APPLICANTS IN VIETNAM

Important:

* The Principal Applicant (P.A.) is your closest relative to be considered for US entry.

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (P.A.) PHAM THI MINH NGUYET
 ADDRESS IN VIETNAM TAN DINH DISTRICT - HUE CITY
 HAVE YOU FILED IMMIGRANT VISA PETITIONS? NO CATEGORY? -
 DATE AND PLACE OF FILING -
 DOES P.A. HAVE VIETNAMESE EXIT PERMIT? YES _____ NO ☒ NUMBER? _____
 I AM THE: HUSBAND ☐ WIFE ☐ PARENT ☐ CHILD ☐ BROTHER ☐ SISTER ☒
 OTHER _____ OF THE PRINCIPAL APPLICANT.
 (Specify)

List below the persons to be considered for admission to the United States. In the column MS (marital status) indicate married (M), divorced (D), widowed (W), or single (S).

NAME In Vietnamese Order	DATE OF BIRTH mo/da/yr	PLACE OF BIRTH	SEX	MS	RELATION TO P.A.	ADDRESS
1. PHAM THI MINH NGUYET	4/24/43	HANOI VIETNAM	F	M	Principal Applicant	
2. BUI VAN GIANG	9/12/42	HAIPHONG VIETNAM	M	M	HUSBAND	
3. BUI DINH NAM	8/28/73	SAIGON VIETNAM	M	S	SON	
4.	/ /					
5.	/ /					
6.	/ /					
7.	/ /					
8.	/ /					
9.	/ /					
10.	/ /					
11.	/ /					
12.	/ /					
13.	/ /					
14.	/ /					

THIS FORM IS FREE; IT MAY BE REPRODUCED BY ANYONE.

III

FAMILY TREE

The information below relates to you, the USA relative.

List all of your relatives requested below even if they are already listed on Page 1. Please include relatives who are already in the USA or other countries as well as those in Vietnam. We must establish your entire family. (If there is not enough room, continue on separate sheet.)

NAME	SEX (circle one)	DATE OF BIRTH mo/day/yr	COUNTRY OF BIRTH	MARRIED? (circle one)	LIVING/DEAD?	ADDRESS
A. Your husband/wife						
KHE TRAN	☒ M ☐ F	2/1/30	VIETNAM	☒ Yes ☐ No	LIVING	
B. Your other husbands/wives						
	☐ M ☐ F			Yes/No		
	☐ M ☐ F			Yes/No		
C. Your children						
DIEM MY TRAN	☒ M ☐ F	11/3/61	VIETNAM	Yes ☐ No ☒	LIVING	
TOAN DUC TRAN	☒ M ☐ F	7/21/63	VIETNAM	Yes ☐ No ☒	LIVING	
NGUYEN DUC TRAN	☒ M ☐ F	3/28/67	VIETNAM	Yes ☐ No ☒	LIVING	
	☐ M ☐ F			Yes/No		
	☐ M ☐ F			Yes/No		
	☐ M ☐ F			Yes/No		
D. Your parents						
PHAM VAN CHU	☒ M ☐ F		VIETNAM	☒ Yes ☐ No	DEAD	
TRAN THI YUEN	☒ M ☐ F	10/10/18	VIETNAM	☒ Yes ☐ No	LIVING	
E. Your brothers/sisters						
PHAM THI KIM DANH	☒ M ☐ F	1939	VIETNAM	☒ Yes ☐ No	LIVING	
PHAM VAN CHUENG	☒ M ☐ F	1941	VIETNAM	☒ Yes ☐ No	LIVING	
PHAM THI MINH NGUYET	☒ M ☐ F	1943	VIETNAM	☒ Yes ☐ No	LIVING	
PHAM THI NHAT	☒ M ☐ F	8/31/44	VIETNAM	☒ Yes ☐ No	LIVING	
PHAM VAN DAI	☒ M ☐ F	1941	VIETNAM	☒ Yes ☐ No	LIVING	
PHAM THI THUY VAN	☒ M ☐ F	1949	VIETNAM	☒ Yes ☐ No	LIVING	

IV A.

U.S. GOVERNMENT EMPLOYMENT

If the Principal Applicant or any accompanying relative in Vietnam was a U.S. Government employee, please complete this section.

NAME OF EMPLOYEE _____

AGENCY: ☐ EMBASSY ☐ USAID/USOM ☐ CORDS ☐ USIS ☐ USARV/MACV/DAO ☐ OTHER _____

SECTION/DIVISION/OFFICE _____

LAST POSITION: _____ LAST GRADE: _____

DURATION OF EMPLOYMENT: FROM _____ TO _____

PLACE _____ NAME OF LAST SUPERVISOR _____

REASON FOR SEPARATION _____

SECTION/DIVISION/OFFICE _____

PREVIOUS POSITION: _____ PREVIOUS GRADE: _____

DURATION OF EMPLOYMENT: FROM _____ TO _____

PLACE _____ NAME OF SUPERVISOR _____

REASON FOR SEPARATION _____

IV B.U.S. GOVERNMENT TRAINING OR SCHOOLING IN VIETNAM

Was any training or schooling provided by the U.S. Government for the Principal Applicant or any accompanying relative? YES ☐ NO ☐

FOR: (NAME) _____

DATE		SCHOOL	PLACE
FROM	TO	_____	_____
FROM	TO	_____	_____

DESCRIBE: _____

VPRIVATE EMPLOYMENT

If the Principal Applicant or any accompanying relative worked for a U.S. company or organization, please complete this section.

NAME OF EMPLOYEE _____

JOB TITLE _____

NAME OF COMPANY or ORGANIZATION _____

SUPERVISOR'S NAME _____

PLACE _____ FROM _____ TO _____

JOB DESCRIPTION _____

EMPLOYEE NUMBER _____ BADGE NUMBER _____ PAYROLL NUMBER _____

REASON FOR SEPARATION _____

NAME OF PREVIOUS COMPANY or ORGANIZATION _____

PREVIOUS JOB TITLE _____ SUPERVISOR'S NAME _____

PLACE _____ FROM _____ TO _____

JOB DESCRIPTION _____

EMPLOYEE NUMBER _____ BADGE NUMBER _____ PAYROLL NUMBER _____

REASON FOR SEPARATION _____

VITRAINING OR SCHOOLING OUTSIDE VIETNAM

If the Principal Applicant or any accompanying relative in Vietnam was trained or educated outside Vietnam, please complete this section.

NAME OF STUDENT/TRAINEE _____ NAME OF SCHOOL _____

DESCRIPTION OF COURSES _____

PLACE _____ DEGREE/CERTIFICATE _____

WHO PAID FOR THE TRAINING? _____

DURATION OF TRAINING FROM _____ TO _____

NAME OF STUDENT/TRAINEE _____ NAME OF SCHOOL _____

DESCRIPTION OF COURSES _____

PLACE _____ DEGREE/CERTIFICATE _____

WHO PAID FOR THE TRAINING? _____

DURATION OF TRAINING FROM _____ TO _____

VIIVIETNAMESE GOVERNMENT OR MILITARY SERVICE

If the Principal Applicant or any accompanying relative worked for the Vietnamese Government or served in the Vietnamese military prior to 1975, please complete this section.

NAME OF PERSON BUI VAN GIANG
 MINISTRY OR MILITARY UNIT INFANTRY TITLE OR RANK LIEUTENANT - COLONEL
 PLACE _____ FROM _____ TO _____
 JOB DESCRIPTION BATTALION COMMANDER
 LIST ANY AWARDS, COMMENDATIONS, OR MEDALS RECEIVED FROM THE U.S. GOVERNMENT:

DID YOUR RELATIVES WORK CLOSELY WITH AMERICANS? YES ☒ NO ☐ IF YES,
 PLEASE DESCRIBE: _____
 NAMES/RANKS OF ANY AMERICAN ADVISORS _____

VIIIRE-EDUCATION

DID THE PRINCIPAL APPLICANT OR ANY ACCOMPANYING RELATIVE SPEND TIME IN REEDUCATION?
 YES ☒ NO ☐

NAME BUI VAN GIANG DURATION from 6/15/1975 to 5/8/1980
 NAME _____ DURATION from _____ to _____

IXREMARKS

Are there any special considerations or comments that would affect your relatives' eligibility?

IF MORE SPACE IS NECESSARY FOR YOU TO ADD MORE COMPLETE INFORMATION ABOUT ANY OF THE ITEMS REQUESTED ON THIS AFFIDAVIT, PLEASE WRITE THAT INFORMATION ON A SEPARATE SHEET TO BE ATTACHED TO THE AFFIDAVIT. THIS WILL BE NECESSARY IF MORE THAN ONE FAMILY MEMBER WORKED FOR THE U.S. GOVERNMENT, A U.S. COMPANY, OR THE VIETNAMESE GOVERNMENT.

XNOTARIZATION

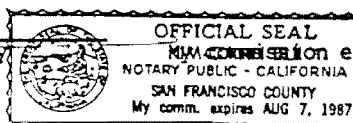
I swear that the above information is true. I understand that any false statement could jeopardize my immigration status in the United States.

Elliot Hunt Ho Lam
 Signature of Applicant

Subscribed and sworn to me.

this 17 day of February, 19 85

Kim San Kien
 Signature of Notary



My commission expires: August 7-87

SEAL OF NOTARY

NOTE: If you are a refugee or Permanent Resident Alien, please attach a copy of your I-94 (refugee) or I-151/I-551 (Permanent Resident Alien) green card to the completed affidavit. Do not photocopy your Naturalization Certificate.

THIS FORM IS FREE; IT MAY BE REPRODUCED BY ANYONE.

FAMILY TREE

E. Your brothers/sisters

NAME	SEX	DATE OF BIRTH	COUNTRY OF BIRTH	MARRIED	LIVING / DEAD	ADDRESS
PHAM THI MY CHUONG	F	5/15/52	VIETNAM	YES	LIVING	PRINCE GEORGE BC V2L5A7 CANADA
PHAM THI THAO	F	1954	VIETNAM	YES	LIVING	CITY - VIETNAM
PHAM THI TUYET PHUONG	F	9/6/57	VIETNAM	NO	LIVING	HO CHI MINH CITY - VIETNAM

10/10/89

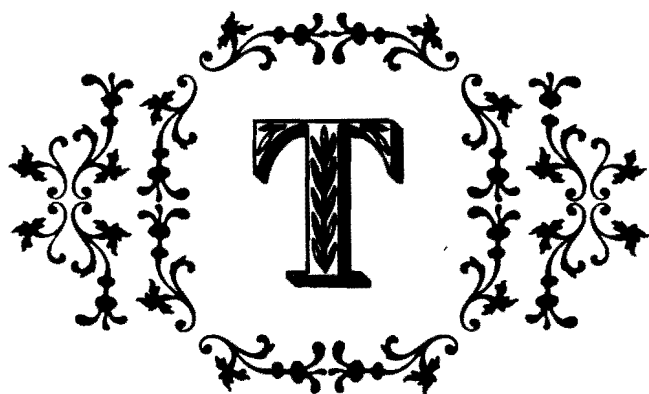
Cô Bảy ỏi !

Đây là hồ sơ xin đoàn tụ
của người bạn của tôi, xin cô vui
lòng giúp dùm.

Tiến đây tôi gửi kèm theo
cái chi phiếu \$100.00 để đóng góp
cho Hội.

Xin cảm ơn Cô và gởi lời
thăm tất cả.

Mến,
Thư Quyên
Tâm



10/10/89

Cố Băy ới !

Đây là hồ sơ xin đoàn tụ
của người bạn của tôi, xin cô vui
lòng giúp đỡ.

Tiền đây tôi gửi kèm theo
cái chi phiếu \$100.00 để đóng góp
cho Hội.

Xin cảm ơn cô và gởi lời
thăm tất cả.

Mến,
Kim Nguyen
Tâm

TAM T. NGUYEN PH.(415) 751-0489 405 21ST AVENUE APT. 1 SAN FRANCISCO, CA 94121		1645
Oct 10 1989		11-35/1210
PAY TO THE ORDER OF	The Families of Vietnamese Prisoners Assn.	\$ 100. ⁰⁰ / _{xx}
One hundred and ⁰⁰ / _{xx}		DOLLARS
Bank of America MT & BA Richmond District Branch 0287 P.O. Box 37001 San Francisco, CA 94137		
MEMO		



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: 50102

VEWL.#: _____

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM Bui VN Granger
Last Middle First
Current Address: _____
Date of Birth: 1942 Place of Birth: Tam Binh, HCM City
Previous Occupation (before 1975) Lieutenant Colonel
(Rank & Position)
2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 6/75 To 5/80
Years: 5 Months: _____ Days: _____
3. SPONSOR'S NAME: Phoe Tuyet Thi Pham
Name San Francisco, CA 94121
Address and Telephone Number
4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

CONTROL

 Card

 8 Doc. Request; Form

 Release Order

 Computer

 Form "D"

 ODP/Date

 Membership; Letter

8/20/89



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: 50102

LOI#: _____

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

APPLICANT IN VIETNAM BUI VAN GIANG
Last Middle First

Current Address: 333/12 Nguyen Trong Tuyen, Quan Tan Binh, Ho Chi Minh, Vietnam

Date of Birth: 9-12, 1942 Place of Birth: Vietnam

Previous Occupation (before 1975) Lieutenant Colonel
(Rank & Position)

TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From June 15, 75 To May 8, 1980
Years: 5 Months: _____ Days: _____

SPONSOR'S NAME: Pham Thi Ngoc Tuyet (sister in law)
Name

San Francisco, CA 94121 Tel. _____
Address and Telephone Number

NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the ap and have not filed an Affidavit of Rel Also, persons in the U.S. who are elig INS Form I-130 must do so.

OP criteria
d to do so.
Vietnam on

W 50102
Stan
5 yrs recd
P5 per pd 10/29/83
no RD
no EP



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: 50102

LOI#: _____

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM BUI VAN GIANG
Last Middle First

Current Address: _____ Quan Tan Binh, Ho Chi Minh, Vietnam

Date of Birth: 9-12, 1942 Place of Birth: Vietnam

Previous Occupation (before 1975) Lieutenant Colonel
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From June 15, 75 To May 8, 1980
Years: 5 Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: Pham Thi Ngoc Tuyet (sister in law)
Name
San Francisco, CA 94121 Tel. (415) 387-7589
Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: March 17, 1980

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : BUI VAN GIANG
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
Pham Thi Nguyet Minh	4-24-43	wife
Bui Dinh Nam	8-28-73	son

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

INTAKE FORM
Mẫu Dón Về Lý Lịch

NAME (TÊN TÙ NHÂN) : BUI VAN GIANG
Last (Tên Họ) Middle (Giữa) First (Tên gọi)
DATE, PLACE OF BIRTH : September 12th 1942 VIETNAM
(NĂM, NƠI SINH ĐẸ) Month (Thang) Day (Ngày) Year (Năm)
SEX (NAM hay NỮ) : Male (Nam) : ☒ Female (Nữ) : ☐
MARITAL STATUS : Single (Độc thân) : ☐ Married (có lập gia đình) : ☒
(Tình trạng gia đình)
ADDRESS IN VIETNAM : ST, TAN BINH DISTRICT
(Địa chỉ tại VN) : HO CHI MINH CITY - SOUTH VIETNAM
POLITICAL PRISONER (Có là Tử binh tại VN hay không) : ☒ (Có) No (Không) : ☐
: If yes (Nếu Có) : From (Từ) : June 15, 1975 To (Đến) : May 8, 1980
PLACE OF RE-EDUCATION : NAM HA CAMP
CAMP (TRẠI TÙ)
PROFESSION (Nghề Nghiệp) : Webber
EDUCATION IN U.S. : NONE
(DU HỌC TẠI MỸ)
VN ARMY (Quân đội VN) : Rank (Cấp Bậc) : LIEUTENANT COLONEL ARUN
VN GOVERNMENT : Position (Chức Vụ) : BATTALIAN COMMANDER Date (Năm) : 1975
(Trong chính phủ VN)
APPLICATION FOR O.D.P. : ☒ (Có) : IV Number (số hồ sơ) : IV 50102 No (Không) : ☐
NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING : (Số người đi theo) : 2 * (Please see back page)
(Tên thân nhân tháp tùng) Xin ghi bên sau với đầy đủ chi tiết.
MAILING ADDRESS IN VN : ST, TAN BINH DISTRICT
(Địa chỉ liên lạc tại VN) : HO CHI MINH CITY, SOUTH VIETNAM
NAME ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE : NGOC TUYET THI PHAM
Tên, Địa chỉ Thân nhân : Ave #1 - SAN FRANCISCO - CA 94121
hay Người Bảo Trò)
U.S. CITIZEN : (Có quốc tịch Hoa Kỳ) : ☒ (Không) : ☐
RELATIONSHIP WITH PRISONER : (Liên hệ với người ở VN) : SISTER IN LAW
NAME AND SIGNATURE : NGOC TUYET THI PHAM Ngoc Tuyen Thi Pham
ADDRESS OF INFORMANT :
Tên, Địa chỉ, Chủ Ký, Điện thoại :
của người điền đơn này)
DATE : September 25th 1989
Month (thang) Day (ngày)

(*) <u>Name</u>	<u>Relationship</u>	<u>Date of birth</u>	<u>Place of birth.</u>
1) NGUYET T. MINH PHAM	WIFE	April 24, 1943	HA NOI - VIETNAM
2) NAM DINH BUI	SON	August 28, 1973	SAIGON - VIETNAM

Số 222/GMT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - tự do - Hạnh phúc

Số 222/GMT

THAY LA THAI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 1-5-1967 của Bộ Nội vụ
thi hành an văn, quyết định là số 26 ngày 11 tháng 1 năm 1980

Của *Cô Hòa Vy*:

Nay cấp giấy tha cho anh, chiếc tên sau đây

Họ tên khai sinh Bùi Văn Giảng

Họ tên thường gọi

Họ tên bí danh

Sinh ngày 12/5/1942

Nơi sinh Thái Bình

Hội đồng kỷ nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

118/5 Trần Quang Diện thành phố Hồ Chí Minh

Cán tại Trung tá tiểu đoàn trước ngày

Bị bắt ngày 13-6-1975 An phát TTCT

Theo quyết định, an văn số ngày 1-8-1978 của Bộ nội vụ

Đã bị tăng án lần, cộng thêm năm tháng

Đã được giảm án lần, cộng thêm năm tháng

Nay về cư trú tại:

P. H. C. M.

Nhận xét quá trình cải tạo:

Xác định được tội lỗi của bản thân tư tưởng chưa có gì biểu hiện
xấu, lao động đảm bảo ngày công ở trại qui định, học tập chấp hành
đầy đủ, nội qui tốt và nếp sống văn hóa mới chưa có gì sai phạm
đáng kể ./.

Lần tay ngửa trở phải - họ tên chữ ký

Của Bùi Văn Giảng người được cấp giấy

Danh bản số 2002

Lập tại quan pháp

Ngày 8 tháng 5 năm 1980



TRUNG TÁ TRẦN VĂN XUYẾN

Bùi Văn Giảng